

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2026*

*Ho Chi Minh City, March 10<sup>th</sup>, 2026*

**BÁO CÁO**

**Kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty Cổ phần Transimex.

To:

- The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange;
- Transimex Corporation.

1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch/*Information on individual conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/*Name of individual:* NGUYỄN CHÍ ĐỨC
- Quốc tịch/*Nationality:* Việt Nam
- Số CCCD: Do Cục QLHC về TTXH cấp ngày

*Number of ID card: , issued by Department of Administrative Management Police on Social Order on .*

- Địa chỉ liên hệ:

*Contact address:*

- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: Phó Tổng Giám đốc.

*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company: Deputy General Director.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (*đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng*)/*Information on internal person of the public company/public fund is the affiliated person of the individual/organisation executing the transaction (in case the trader is an affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person:*
- Quốc tịch/*Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*
- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*
- Điện thoại liên hệ/*Telephone:*                      Fax:                      Email:
- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Position in the public company, the fund management company on the date when individual/organisation mentioned in item 1 registers the transaction:...*
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:* TMS

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3: 058C882888 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

*Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3 above: 058C882888 In the securities company: FPT Securities Corporation.*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi: 814.598 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,48%.

*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the trading of convertible bonds, rights to buy shares/fund certificates, rights to buy convertible bonds: 814,598 share accounting for 0.48%.*

6. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi): 0

*Number of convertible bonds before the transaction (in case of trading convertible bonds or rights to buy convertible bonds): 0*

7. Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch: 814.598 quyền, tương ứng với quyền mua 19.243 trái phiếu chuyển đổi mã TMS426001.

*Number of rights to buy shares/fund certificates/convertible bonds before the transaction: 814,598 subscription rights, equivalent to right to subscribe to 19,243 convertible bonds code TMS426001.*

8. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Percentage of executing the rights to purchase or convert bonds into shares*: 42,33:1

9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred*:

- Loại giao dịch đăng ký thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng): Thực hiện quyền mua trái phiếu chuyển đổi mã TMS426001

*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred): Exercise the rights to purchase convertible bonds code TMS426001.*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký thực hiện: 3.300 trái phiếu chuyển đổi mã TMS426001.

*Number of registered rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds): 3,300 convertible bonds code TMS426001.*

10. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of traded rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred*:

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng): Thực hiện quyền mua trái phiếu chuyển đổi mã TMS426001.

*Type of transaction executed (to purchase/ sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred): Exercise the rights to purchase convertible bonds code TMS426001.*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện: 3.307 trái phiếu chuyển đổi mã TMS426001.

*Number of executed rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds): 3,307 convertible bonds code TMS426001.*

11. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành)/*The value of executed transaction (calculated based on par value or issuing price)*: 330.700.000 VNĐ

12. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: 1.947 trái phiếu chuyển đổi.

*Number of shares/fund certificates convertible bonds expected to hold after exercising*

*the right to buy or number of shares expected to hold after converting bonds into shares:  
1,947 convertible bonds.*

13. Phương thức giao dịch/*Method of transaction*: đăng ký thực hiện quyền/  
*Registration to exercise rights.*

14. Thời gian thực hiện giao dịch/*Trading time* 05/03/2026

2015. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/*The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed)*: Hoàn tất giao dịch/ *complete the transaction.*

*Nơi nhận:*

*Recipients:*

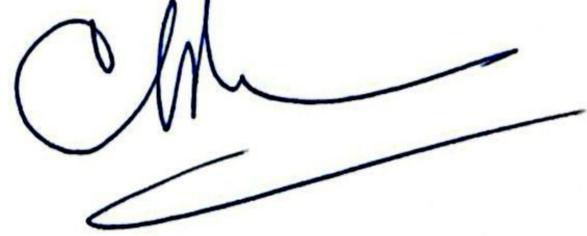
- SSC; HSX; Transimex;

- Lưu: VT.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)*

*(Signature, full name and seal -if any)*



**Nguyễn Chí Đức**